

dīe	dīe									
爹	爹									
dú	shū									
读	书									
dǎ	jià									
打	架									
tī	zǐ									
梯	子									
tóu	fā									
头	发									

tiě	tǒng										
铁	桶										
xiǎo	mǎ										
小	马										
mǎ	chē										
马	车										
qí	mǎ										
骑	马										
tǔ	dì										
土	地										

[illegible]